

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Diệu.

2. Ông Từ Anh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thụy Tú T, sinh năm: 1979; thường trú: Thôn X, xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa); tạm trú: Số A đường B, khu phố B, phường B, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số A đường B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước V, sinh năm 1979; thường trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long); tạm trú: Số D khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số D khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở trọ Võ Thị G)). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thụy Tú T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thụy Tú T và ông Nguyễn Phước V tự nguyện yêu nhau và chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 ngày 10/10/2006. Việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ

chồng hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Từ khoảng tháng 3/2024 đến nay, bà T và ông V đã sống ly thân. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông V. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay bà T không yêu cầu cơ quan, tổ chức nào hòa giải.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 09/01/2017. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên Â và yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 15/7/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Phạm Thụy Tú T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Phước V trình bày:* Ông Nguyễn Phước V và bà Phạm Thụy Tú T tự nguyện yêu nhau và chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 ngày 10/10/2006. Việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Từ khoảng tháng 3/2024 đến nay, ông V và bà T đã sống ly thân. Ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay ông V không yêu cầu cơ quan, tổ chức nào hòa giải.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 09/01/2017. Sau khi ly hôn, ông V đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiên Â cho bà Phạm Thụy Tú T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thiên Â với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 15/7/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Phước V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thụy Tú T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Phước V nên Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Phước V có nơi cư trú tại số D khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số D khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Cơ sở trợ Võ Thị G)) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Phạm Thụy Tú T và bị đơn ông Nguyễn Phước V đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 ngày 10/10/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông V đều xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ khoảng tháng 3/2024 đến nay, bà T và ông V đã sống ly thân. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bà T và ông V đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông V đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì bà T yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông V xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 09/01/2017. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Â. Tuy nhiên, khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung tên Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 09/01/2017 chưa trưởng thành, từ trước đến nay cháu sống cùng bà T và được bà T chăm sóc tốt. Cháu Â có mong muốn được sống cùng với mẹ. Đồng thời, tại bản tự khai ông V đồng ý giao cháu Â cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, căn cứ vào các Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án giao cháu Â cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là để đảm bảo cho con có cuộc sống tốt hơn. Quá trình giải quyết vụ án ông V đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Â với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Tòa án chấp nhận.

[5] Cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 15/7/2006 đã trưởng thành, bà T và ông V không ai yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T và ông V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thụy Tú T và ông Nguyễn Phước V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thụy Tú T đối với ông Nguyễn Phước V về việc ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thụy Tú T được ly hôn với ông Nguyễn Phước V. (Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 10/10/2006).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Phước V giao 01 (một) con chung tên Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 09/01/2017 cho bà Phạm Thụy Tú T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Phước V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 09/01/2017 với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà T và ông V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông V lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà T nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4. Cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 15/7/2006 đã trưởng thành, bà T và ông V không ai yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

1.5. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Phạm Thụy Tú T và ông Nguyễn Phước V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà Phạm Thụy Tú T phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003131, ngày 11/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Phước V phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh  
(Phòng THADS khu vực 16);
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**